

Số: /KH-SXD

Đắk Lắk, ngày tháng 4 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện nhiệm vụ Sở Xây dựng - Thành viên Tổ giúp việc thuộc Ban Chỉ đạo tăng trưởng kinh tế 02 con số tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026–2030

Căn cứ Quyết định số 01-QĐ/BCĐ, ngày 16/4/2026 của Ban Chỉ đạo ban hành Quy chế hoạt động và Tổ giúp việc của Ban Chỉ đạo thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế 02 con số tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026 - 2030.

Thực hiện Thông báo số 76/TB-VPUBND ngày 24/4/2026 về Kết luận của Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh - Hồ Thị Nguyên Thảo tại cuộc họp Phân công nhiệm vụ thành viên Tổ giúp việc về cải cách hành chính, thể chế, tạo đột phá về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển nguồn nhân lực thuộc Ban Chỉ đạo thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế 02 con số tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026 - 2030; Sở Xây dựng - Thành viên Tổ giúp việc thuộc Ban Chỉ đạo ban hành Kế hoạch triển khai nhiệm vụ cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Cụ thể hóa nhiệm vụ Sở Xây dựng - Thành viên Tổ giúp việc, được phân công trong các lĩnh vực: Cải cách hành chính; Hoàn thiện thể chế; Đột phá KHCN – đổi mới sáng tạo – chuyển đổi số ngành xây dựng; Phát triển nguồn nhân lực ngành xây dựng.

- Bảo đảm thực hiện theo nguyên tắc 06 rõ, rõ người – rõ việc – rõ thời gian – rõ trách nhiệm – rõ sản phẩm – rõ thẩm quyền.

- Nhận diện, tháo gỡ điểm nghẽn của ngành xây dựng, góp phần thúc đẩy tăng trưởng 02 con số, cải thiện môi trường đầu tư xây dựng.

II. NHẬN DIỆN CÁC "ĐIỂM NGHẼN" CHÍNH CỦA NGÀNH

1. Cải cách hành chính: TTHC còn chồng chéo, thời gian xử lý kéo dài.

2. Thể chế

- Quy định về đầu tư xây dựng, quy hoạch còn bất cập.

- Thiếu cơ chế đặc thù cho phát triển hạ tầng, nhà ở.

3. Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số

- Dữ liệu ngành phân tán, chưa liên thông.

- Ứng dụng BIM, GIS, IoT còn hạn chế.

4. Nguồn nhân lực

- Thiếu nhân lực chất lượng cao về công nghệ.

- Kỹ năng số của cán bộ chưa đồng đều.

III. GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

- Cắt giảm $\geq 50\%$ thời gian TTHC so với năm 2024.
- Số hóa toàn bộ quy trình giải quyết TTHC.
- Xây dựng CSDL ngành đồng bộ.
- Nghiên cứu, thí điểm công nghệ (BIM, GIS, AI, IoT).
- Đào tạo, tập huấn nhân lực chuyển đổi số.

IV. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Nội dung chi tiết năm 2026 (06 rõ theo tháng, quý)

1.1. Quý II/2026 (Tháng 5–6/2026)

a) Tháng 5/2026

Nhiệm vụ 1: Rà soát TTHC (giải quyết điểm nghẽn hành chính)

- Rõ người: Tất cả các phòng (có TTHC: Quản lý xây dựng; Quản lý nhà và thị trường bất động sản; Phát triển hạ tầng; Quy hoạch - Kiến trúc; Quản lý chất lượng công trình; Quản lý vận tải; Kinh tế và Vật liệu xây dựng) - Chủ trì; Phối hợp: Văn phòng Sở.

- Rõ việc: Rà soát 100% TTHC, xác định điểm nghẽn.
- Rõ thời gian: Trước 25/5/2026.
- Rõ sản phẩm: Báo cáo + danh mục TTHC cần cắt giảm.
- Rõ trách nhiệm: Trưởng các phòng (có TTHC).
- Rõ thẩm quyền: Trình UBND tỉnh.

b) Tháng 6/2026

Nhiệm vụ 2: Chuẩn hóa dữ liệu (giải quyết điểm nghẽn CDS)

- Rõ người: Các phòng (Quản lý xây dựng; Quản lý nhà và thị trường bất động sản; Phát triển hạ tầng; Quy hoạch - Kiến trúc; Quản lý chất lượng công trình; Quản lý vận tải; Kinh tế và Vật liệu xây dựng) - Chủ trì; Phối hợp: Văn phòng Sở.

- Rõ việc: Xây dựng danh mục CSDL ngành.
- Rõ thời gian: Trước 20/6/2026.
- Rõ sản phẩm: Kiến trúc dữ liệu ngành.
- Rõ trách nhiệm: Trưởng các phòng.
- Rõ thẩm quyền: Sở phê duyệt.

c) Nhiệm vụ quý II

Nhiệm vụ 3: Đề xuất chính sách (giải quyết điểm nghẽn thể chế)

- Rõ người: Các phòng (Quản lý xây dựng; Quản lý nhà và thị trường bất động sản; Phát triển hạ tầng; Quy hoạch - Kiến trúc; Quản lý chất lượng công trình; Quản lý vận tải; Kinh tế và Vật liệu xây dựng) - Chủ trì; Phối hợp: Văn phòng Sở.

- Rõ việc: Đề xuất cơ chế hỗ trợ.
- Rõ thời gian: Trước 30/6/2026.
- Rõ sản phẩm: Tờ trình chính sách.
- Rõ trách nhiệm: Trưởng các phòng.
- Rõ thẩm quyền: Trình UBND tỉnh.

1.2. Quý III/2026 (Tháng 7–9)

a) Tháng 7/2026

Nhiệm vụ 4: Chuẩn hóa quy trình TTHC

- Rõ người: Tất cả các phòng (có TTHC) - Chủ trì; Phối hợp: Văn phòng Sở.
- Rõ việc: Rút ngắn $\geq 50\%$ thời gian giải quyết so với năm 2024.
- Rõ thời gian: Tháng 7/2026.
- Rõ sản phẩm: Quy trình mới.
- Rõ trách nhiệm: Trưởng các phòng.
- Rõ thẩm quyền: Trình UBND tỉnh.

b) Tháng 8/2026

Nhiệm vụ 5: Triển khai dịch vụ công trực tuyến

- Rõ người: Tất cả các phòng (có TTHC) - Chủ trì; Phối hợp: Văn phòng Sở.
- Rõ việc: Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến; đạt 100% hồ sơ trực tuyến.
- Rõ thời gian: Thường xuyên.
- Rõ sản phẩm: Hệ thống vận hành.
- Rõ trách nhiệm: Trưởng các phòng (có TTHC).
- Rõ thẩm quyền: Lãnh đạo Sở.

c) Tháng 9/2026

Nhiệm vụ 6: Rà soát quy hoạch (điểm nghẽn đầu tư)

- Rõ người: Phòng Quy hoạch - Kiến trúc (Chủ trì); Phối hợp: Phòng Phát triển hạ tầng; Phòng Quản lý xây dựng.
- Rõ việc: Xác định quỹ đất, dự án ưu tiên.
- Rõ thời gian: Tháng 9/2026.
- Rõ Sản phẩm: Báo cáo quy hoạch phục vụ tăng trưởng.
- Rõ trách nhiệm: Phòng Quy hoạch - Kiến trúc.

- Rõ thẩm quyền: Trình UBND tỉnh.

d) Nhiệm vụ quý III

Nhiệm vụ 7: Đào tạo nhân lực (giải quyết điểm nghẽn nhân lực)

- Rõ người: Văn phòng Sở - Chủ trì; Phối hợp: Tất cả các phòng, đơn vị trực thuộc Sở.

- Rõ việc: Đào tạo BIM, GIS, AI.

- Rõ sản phẩm: ≥ 02 lớp đào tạo.

- Rõ thời gian: Quý III/2026.

- Rõ trách nhiệm: Chánh Văn phòng Sở.

- Rõ thẩm quyền: Sở Xây dựng.

1.3. Quý IV/2026 (Tháng 10–12)

a) Tháng 10/2026

Nhiệm vụ 8: Thí điểm công nghệ (đột phá KHCN)

- Rõ người: Các phòng (Quy hoạch - Kiến trúc; Phát triển hạ tầng; Quản lý xây dựng) - Chủ trì; Phối hợp: Văn phòng Sở.

- Rõ việc: Ứng dụng BIM/GIS/IoT/AI.

- Rõ sản phẩm: 01 mô hình thí điểm.

- Rõ thời gian: Tháng 10/2026.

- Rõ trách nhiệm: Trưởng các phòng (Quy hoạch - Kiến trúc; Phát triển hạ tầng; Quản lý xây dựng).

- Rõ thẩm quyền: Sở Xây dựng.

b) Tháng 11/2026

Nhiệm vụ 9: Đánh giá cải cách

- Rõ người: Văn phòng Sở - Chủ trì; Phối hợp: Tất cả các phòng, đơn vị trực thuộc Sở.

- Rõ việc: Đánh giá mức độ hài lòng.

- Rõ sản phẩm: Báo cáo đánh giá.

- Rõ thời gian: Tháng 11/2026.

- Rõ trách nhiệm: Chánh Văn phòng Sở.

- Rõ thẩm quyền: Sở Xây dựng.

c) Tháng 12/2026

Nhiệm vụ 10: Tổng kết, đề xuất

- Rõ người: Văn phòng Sở - Chủ trì; Phối hợp: Tất cả các phòng, đơn vị trực thuộc Sở.

- Rõ việc: Tổng hợp, đề xuất tháo gỡ điểm nghẽn.
- Rõ sản phẩm: Báo cáo BCD.
- Rõ thời gian: Tháng 12/2026.
- Rõ trách nhiệm: Sở Xây dựng – Thành viên Tổ giúp việc thuộc Ban Chỉ đạo.
- Rõ thẩm quyền: Trình UBND tỉnh.

2. Các năm tiếp theo (2027 - 2030)

Chi tiết Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các phòng chuyên môn

Chủ động triển khai nhiệm vụ theo phân công; định kỳ (Tháng: trước ngày 23; Quý: trước ngày 18 tháng cuối quý) hoặc khi có yêu cầu, các phòng báo cáo kết quả thực hiện về Sở Xây dựng (qua Văn phòng Sở) để tổng hợp, báo cáo.

2. Văn phòng Sở

- Là đầu mối tham mưu, theo dõi, đôn đốc thực hiện Kế hoạch.
- Tổng hợp, báo cáo (Tháng: trước ngày 25; Quý: trước ngày 20 tháng cuối quý) kết quả thực hiện về Ban Chỉ đạo tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ) theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ Sở Xây dựng - Thành viên Tổ giúp việc thuộc Ban Chỉ đạo tăng trưởng kinh tế 02 con số tỉnh Đắk Lắk (2026–2030). Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các phòng kịp thời báo cáo Sở Xây dựng (qua Văn phòng Sở) xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Sở KH&CN (Cơ quan Thường trực Tổ giúp việc);
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở (t/hiện);
- Trang thông tin điện tử của Sở (đăng tải);
- Lưu: VT, VP (Tr).

**THÀNH VIÊN TỔ GIÚP VIỆC
THUỘC BAN CHỈ ĐẠO**

**Phó Giám đốc Sở Xây dựng
Lê Công Du**

Phụ lục

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, THỂ CHẾ, TẠO ĐỘT PHÁ VỀ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, CHUYÊN ĐỔI SỐ VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC THỰC HIỆN MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ 02 CON SỐ TỈNH ĐẮK LẮK GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SXD ngày tháng Năm 2026 của Sở Xây dựng)

| STT | Nhiệm vụ | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian | Sản phẩm | Thẩm quyền |
|------------|--|---|--|-------------------|--------------------------------------|-----------------|
| I. | Cải cách hành chính | | | | | |
| 1 | Tiếp tục rà soát TTHC (giải quyết điểm nghẽn hành chính) | Tất cả các phòng (có TTHC) | Văn phòng Sở | Quý II hàng năm | Báo cáo + danh mục TTHC cần cắt giảm | Trình UBND tỉnh |
| 2 | Cắt giảm TTHC | Tất cả các phòng (có TTHC) | Văn phòng Sở | Tháng 07 hàng năm | Danh mục cắt giảm | Trình UBND tỉnh |
| 3 | Rà soát chuẩn hóa quy trình | Tất cả các phòng (có TTHC) | Văn phòng Sở | Hàng năm | Quy trình nội bộ | Sở Xây dựng |
| 4 | Rà soát quy hoạch | Phòng Quy hoạch - Kiến trúc | Phối hợp: Phòng Phát triển hạ tầng; Phòng Quản lý xây dựng | Hàng năm | Báo cáo | Trình UBND tỉnh |
| II. | Hoàn thiện thể chế | | | | | |
| 5 | Rà soát quy định | Các phòng (Quản lý xây dựng; Quản lý nhà và TT BĐS; Phát triển HT; Quy hoạch - Kiến | Văn phòng Sở | Năm 2027 -2030 | Báo cáo | Trình UBND tỉnh |

| | | | | | | |
|---|--|---|---------------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------|
| | | trúc; Quản lý CLCT; Quản lý vận tải; Kinh tế và VLXD) | | | | |
| 6 | Đề xuất chính sách | Các phòng (Quản lý xây dựng; Quản lý nhà và TT BĐS; Phát triển HT; Quy hoạch - Kiến trúc; Quản lý CLCT; Quản lý vận tải; Kinh tế và VLXD) | Văn phòng Sở | Năm 2027 – 2030 | Tờ trình | Trình UBND tỉnh |
| III. Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số | | | | | | |
| 7 | Tiếp tục xây dựng CSDL ngành | Các phòng (Quản lý xây dựng; Quản lý nhà và TT BĐS; Phát triển HT; Quy hoạch - Kiến trúc; Quản lý CLCT; Quản lý vận tải; Kinh tế và VLXD) | Văn phòng Sở | Năm 2027 – 2028 | Hệ thống dữ liệu | Sở Xây dựng |
| 8 | Triển khai dịch vụ công trực tuyến | Tất cả các phòng (có TTHC) | Văn phòng Sở | Thường xuyên | 100% hồ sơ trực tuyến | Sở Xây dựng |
| 9 | Ứng dụng BIM/GIS/IoT/AI | Các phòng (Quy hoạch - Kiến trúc; Phát triển hạ tầng; Quản lý xây dựng) | Văn phòng Sở | Năm 2027 – 2030 | Mô hình | Sở Xây dựng |
| IV. Nguồn nhân lực | | | | | | |
| 10 | Đào tạo, tập huấn nhân lực chuyển đổi số, BIM, GIS, AI, IoT. | Văn phòng | Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở | Hàng năm (2027 - 2030) | ≥2 lớp/năm | Sở Xây dựng |

